

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 34/2019/DS-ST

Ngày: 13/8/2019

V/v “*Chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Lê Minh Chiến

2- Ông Hồ Xuân Dũng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hào -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019, về việc “*Chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích Th , sinh năm 1979 (Có mặt)

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1979(Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1983(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1973( Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Vợ chồng ông Nguyễn Văn T -bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2019, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Bích Th trình bày:* Giữa vợ chồng bà (Phan Thị Bích Th - Nguyễn Thế L ) với vợ chồng ông Nguyễn Văn T - bà Nguyễn Thị H có quan hệ mua bán, mặt hàng thức ăn chăn nuôi gia súc, việc mua bán phương thức trả nợ gởi đầu, hai bên cùng theo dõi sổ, đến ngày 09/9/2017(AL) bà và bà H chốt số nợ không còn mua bán với nhau nữa, tổng số tiền còn nợ là **138.830.000đ**, cùng ngày bà H trả cho bà 35.000.000.đ trừ số tiền đã trả còn ghi **103.830.000đ**, mãi đến ngày

09/5/2018(AL) bà H trả 3.000.000.đ rồi ghi ***H còn nợ 100.830.000đ*** và đến ngày 09/7/2018(AL) trả 2.000.000.đ và H ghi ***còn nợ 98.830.000.đ***. Sau khi chốt tiền còn nợ, bà nhiều lần gặp vợ chồng H –Tuần đòi nợ nhưng cứ hẹn dần. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà H – ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà số tiền mua cám còn nợ là 98.830.000đ (chín mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) vào thời gian gần đây nhất, yêu cầu tính lãi từ ngày 09/7/2018(AL) cho đến nay, mức lãi suất theo quy định pháp luật.

*Tại bản tự khai ngày 09/5/2019 và các văn bản tố tụng khác bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Vợ chồng bà (Nguyễn Thị H - Nguyễn Văn T) có mua cám thức ăn gia súc của vợ chồng bà Th để chăn nuôi heo, bà xác định chữ viết trong sổ mà bà Thuận làm chứng cứ khởi kiện mà Tòa đưa cho bà xem đúng là chữ viết của bà ghi “....Ngày 09/7/2018 H trả 2.000.000đ còn nợ 98.830.000đ”. Nay bà xác định còn nợ tiền mua cám của vợ chồng bà Th là 98.830.000đ, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ, từ nay cho đến khi hết số nợ trên, không đồng ý trả khoản tiền lãi chậm trả trong thời gian qua vì mua bán không có thỏa thuận tính lãi, khi chốt nợ không có hẹn cụ thể thời gian trả nợ.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2019 và các văn bản tố tụng khác bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Giữa vợ chồng ông(Nguyễn Thị H - Nguyễn Văn T ) có mua cám của bà Th , ông cũng xác định chữ viết trong sổ mà Tòa đưa cho ông xem đúng là chữ viết của vợ ông (bà H ), ông thừa nhận số tiền mua cám còn nợ. Nay ông xác định còn nợ tiền mua cám của vợ chồng bà Th - ông L là 98.830.000.đ, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ từ nay cho đến khi hết số nợ trên, không chấp nhận trả tiền lãi chậm trả trong thời gian qua.

*Tại bản tự khai ngày 26/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế L trình bày:* Ông(L ) và bàTh có quan hệ là vợ chồng, ông thông nhất như toàn bộ lời trình bày của bà Th về quan hệ mua bán và cả số tiền ông T -bà H còn nợ. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà H có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 98.830.000đ vào thời gian sớm nhất và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, theo lãi suất Ngân hàng, thời điểm trả lãi từ ngày 09/7/2018 cho đến nay.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Còn về chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Bích Th buộc vợ chồng bà H - ông T trả tiền mua cám còn nợ cho vợ chồng bà Th - ông L số tiền 98.830.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật .

Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Bà Th yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T -bà Nguyễn Thị H thanh toán tiền mua cám còn nợ sau khi hai bên đã đối chiếu chốt nợ, đây là quan hệ pháp luật là “Chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ” được quy định tại Điều 353 Bộ luật Dân sự và Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T -bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại xã M, thị xã A nên theo Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T - bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T - bà .

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán:* Bà Th đưa ra chứng cứ là sổ theo dõi việc mua bán, có thể hiện số hàng nhận, giá tiền, số tiền hàng và có chữ ký, chữ viết của bị đơn bà H chốt số tiền nợ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà H và ông T cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong sổ ghi nợ ghi “...Ngày 09/7/2018 H trả 2.000.000đ còn nợ 98.830.000đ”

Do bà Hạnh viết, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà H - ông T còn nợ số tiền mua thức ăn gia súc của vợ chồng bà Th - ông L số tiền 98.830.000đ là có cơ sở .

[2.2] *Về trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ:* Theo Điều 440 BLDS quy định “... nếu các bên không có sự thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả ....” Nghĩa vụ trên bên mua chỉ thực hiện một phần sau khi chốt nợ nên thuộc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 353 BLDS và tại Điều 357 BLDS “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...” Từ những quy định trên thì lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS thì lãi suất tính là 10% /năm. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà Th không tính lãi từ thời điểm nhận tài sản cuối cùng(Thời điểm chốt nợ ngày 09/9/2017(AL) mà chỉ yêu cầu tính từ ngày trả nợ cuối cùng từ ngày 09/7/2018(AL).

Thời gian tính lãi từ ngày 09/7/2018(AL) tức là ngày 19/8/2018 đến nay là ngày 13/8/2019 được tính là 358 ngày.

Tiền lãi là: 
$$\frac{98.830.000đ \times 358 \text{ ngày} \times 10\%}{365} = 9.693.000.đ$$

Vậy tổng số tiền còn nợ ông T bà H phải thanh toán là:  
$$(98.830.000đ + 9.693.000.đ) = 108.523.000đ.$$

[2.3] *Về phương thức thanh toán nợ:* Về đề nghị của vợ chồng ông T - bà H xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, nhưng không được vợ chồng bà Th chấp nhận và pháp luật không có quy định, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông T - bà H .

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, vợ chồng ông T -bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 108.523.000.đ x 5% = 5.426.000.đ

[ 2.5] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên, nên HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Khoản 1 Điều 39,147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 353, 357, 429, 430, 440, 468 và Bộ luật dân sự; các Điều 27,33 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích Th, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T -bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho vợ chồng bà Th -ông L là 108.523.000.đ( Một trăm lẻ tám triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó, tiền mua cám còn nợ là 98.830.000đ và tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền là 9.693.000.đ.

2.Bác yêu cầu của vợ chồng bà H – ông T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) vì bà Th - ông L không chấp nhận.

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông T -bà H phải chịu 5.426.000.đ(Năm triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng), bà Th không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Th 2.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0004640 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

#### **4.Về nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự bà Phan Thị Bích Th và ông Nguyễn Thế L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng các đương sự vợ chồng ông Nguyễn Văn T - bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Bình Định
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kiều Oanh**

